

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ AN KHÊ**

Số: 1286/UBND-NV

V/v triển khai các văn bản liên quan
đến tiêu chuẩn và thực hiện chế độ
chính sách đối với cán bộ, công chức
cấp xã

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

An Khê, ngày 19 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các xã, phường

Trên cơ sở Hướng dẫn số 1587/HD-SNV ngày 02/10/2020 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW; Văn bản số 1618/SNV-XDCQ ngày 06/10/2020 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới) và chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.5, 18.7 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới nâng cao).

Ủy ban nhân dân thị xã yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường triển khai thực hiện một số nội dung sau:

1. Ủy ban nhân dân các xã, phường quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức và triển khai thực hiện theo quy định Hướng dẫn số 1587/HD-SNV ngày 02/10/2020 của Sở Nội vụ về việc triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW.

2. Ủy ban nhân dân các xã Cửu An, Song An, Thành An, Tú An, Xuân An quán triệt, phổ biến đến toàn thể cán bộ, công chức và triển khai thực hiện theo quy định Văn bản số 1618/SNV-XDCQ ngày 06/10/2020 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới) và chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.5, 18.7 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới nâng cao).

(Có các văn bản của Sở Nội vụ kèm theo).

Yêu cầu Ủy ban nhân dân các xã, phường nghiêm túc triển khai thực hiện. 

Nơi nhận:

- Như trên;
- Thường trực Thị ủy;
- Thường trực HĐND thị xã;
- Các Thành viên UBND thị xã;
- Ban Tổ chức Thị ủy;
- Đảng ủy các xã, phường;
- Lưu: VT, NV 

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



UBND TỈNH GIA LAI
SỞ NỘI VỤ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1618 /SNV-XDCQ

V/v hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới) và chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.5, 18.7 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới nâng cao)

Gia Lai, ngày 06 tháng 10 năm 2020

Kính gửi: Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Căn cứ Quyết định 250/QĐ-UBND ngày 23/3/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 392/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 ban hành hướng dẫn thực hiện Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới giai đoạn 2017-2020 trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Quyết định số 301/QĐ-UBND ngày 04/7/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về ban hành Bộ tiêu chí xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2018-2020 thực hiện trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Triển khai thực hiện nhiệm vụ phân công tại Công văn số 2102/UBND-NL ngày 21/9/2018 về việc phân công nhiệm vụ thực hiện tiêu chí quốc gia: huyện nông thôn mới, xã nông thôn mới và xã nông thôn mới nâng cao trên địa bàn tỉnh Gia Lai; trên cơ sở ý kiến tham gia của các Sở, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND cấp huyện (theo văn bản số 1390/SNV-XDCQ ngày 03/9/2020 của Sở Nội vụ); căn cứ các quy định, hướng dẫn của Trung ương hiện hành có liên quan và tình hình thực tế của tỉnh, Sở Nội vụ hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới) và chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.5, 18.7 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới nâng cao) trên địa bàn tỉnh, cụ thể như sau:

A. ĐỐI VỚI XÃ ĐẠT CHUẨN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI

I. Về tiêu chuẩn cụ thể đối với cán bộ, công chức cấp xã (chỉ tiêu 18.1)

1. Đối với cán bộ cấp xã:

1.1. Chức vụ Bí thư, Phó Bí thư Đảng ủy: Tiếp tục thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ gắn với tình hình thực tế ở địa phương; cụ thể như sau:

- Học vấn: Tốt nghiệp THPT.
- Lý luận chính trị: Trình độ trung cấp trở lên.
- Chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ trung cấp trở lên.
- Kiến thức bồi dưỡng: Đã qua bồi dưỡng chức danh; bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước theo quy định.

1.2. Chức vụ Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân: Tiếp tục thực hiện theo Quy định tại Quyết định số 04/2004/QĐ-BNV ngày 16/01/2004 của Bộ Nội vụ gắn với tình hình thực tế ở địa phương; cụ thể như sau:

- Học vấn: Tốt nghiệp THPT.

- Lý luận chính trị: Trình độ trung cấp trở lên.
- Chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ trung cấp trở lên.
- Kiến thức bồi dưỡng: Đã qua bồi dưỡng chức danh; bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước theo quy định.

1.3. Chức vụ Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, Chủ tịch Hội Cựu chiến binh:

- Học vấn: Tốt nghiệp THCS trở lên.
- Lý luận chính trị: Trình độ sơ cấp trở lên.
- Chuyên môn, nghiệp vụ: Tối thiểu đã qua bồi dưỡng chức danh theo quy định.

1.4. Chức vụ Bí thư Đoàn Thanh niên, Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ và Chủ tịch Hội Nông dân:

a) Đối với Bí thư Đoàn Thanh niên: Tiếp tục thực hiện theo Quyết định số 289-QĐ/TW ngày 08/02/2010 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về việc ban hành Quy chế cán bộ Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

- Học vấn: Tốt nghiệp THPT.
- Lý luận chính trị: Trình độ sơ cấp trở lên.
- Chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ trung cấp trở lên.
- Kiến thức bồi dưỡng: Đã qua bồi dưỡng chức danh theo quy định.

b) Đối với Chủ tịch Hội Liên hiệp Phụ nữ: Trong năm 2020 tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn số 21/HD-ĐCT ngày 19/11/2015 của Đoàn Chủ tịch Trung ương Hội LHPN Việt Nam về công tác nhân sự để bầu Ban Chấp hành tại Đại hội và bầu Ban Thường vụ, các chức danh chủ chốt tại kỳ họp thứ nhất của Ban Chấp hành, cụ thể như sau:

- Học vấn: Tốt nghiệp THPT. Đối với xã thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi và vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định của Trung ương thì tối thiểu tốt nghiệp THCS.

- Lý luận chính trị: Trình độ sơ cấp trở lên.

- Chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ trung cấp trở lên. Riêng đối với xã thuộc vùng dân tộc thiểu số, xã thuộc miền núi, xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn thì tối thiểu qua bồi dưỡng chức danh theo quy định.

- Trường hợp chuyên môn, nghiệp vụ trình độ Trung cấp trở lên phải qua bồi dưỡng chức danh theo quy định (Riêng những xã thuộc vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định thì khuyến khích qua bồi dưỡng chức danh).

Lưu ý: Từ năm 2021 trở đi, Sở Nội vụ sẽ phối hợp với Hội Liên hiệp phụ nữ tỉnh, các cơ quan, địa phương liên quan nghiên cứu hướng dẫn triển khai thực hiện theo hướng dẫn số 47/HD-ĐCT ngày ngày 18/9/2020 của Đoàn Chủ tịch Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam về công tác nhân sự Đại hội đại biểu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp cơ sở nhiệm kỳ 2021-2026 và theo hướng dẫn của tỉnh (nếu có) cho phù hợp với tình hình của địa phương.

c) Đối với Chủ tịch Hội Nông dân: Tiếp tục thực hiện theo Hướng dẫn số 212/HD-ĐCT ngày 27/3/2017 của Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam về

công tác nhân sự đại hội Hội Nông dân cấp tỉnh, huyện và xã nhiệm kỳ 2018-2023 và hướng dẫn cụ thể hóa của Hội Nông dân tỉnh Gia Lai tại văn bản số 217-HD/HNDT ngày 31/5/2017 về công tác nhân sự Đại hội Hội Nông dân cấp huyện, cấp xã nhiệm kỳ 2018-2023; cụ thể như sau:

- Học vấn: Tốt nghiệp THPT. Riêng đối với xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo quy định của Trung ương thì tối thiểu tốt nghiệp THCS.

- Lý luận chính trị: Trình độ sơ cấp trở lên.

- Chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ trung cấp trở lên. Riêng đối với xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn (xã khu vực III) theo quy định của Trung ương thì tối thiểu qua bồi dưỡng chức danh theo quy định.

- Trường hợp chuyên môn, nghiệp vụ trình độ Trung cấp trở lên phải qua bồi dưỡng chức danh theo quy định (Riêng những xã thuộc vùng có điều kiện kinh tế-xã hội đặc biệt khó khăn theo quy định thì khuyến khích qua bồi dưỡng chức danh).

1.5. Cán bộ chuyên trách giữ các chức vụ nêu trên công tác ở vùng đồng bào DTTS (chiếm từ 50% dân số trở lên) phải biết sử dụng tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác.

1.6. Những cán bộ xã do điều động, luân chuyển, biệt phái, tăng cường (không phải giữ chức vụ đầu nhiệm kỳ) thì trong vòng 02 năm (24 tháng) phải hoàn thành việc chuẩn hóa tiêu chuẩn chức vụ theo quy định đối với các chứng chỉ bồi dưỡng theo văn bản này.

1.7. Trường hợp cán bộ xã kiêm nhiệm các chức vụ, chức danh khác ở xã thì lưu ý đảm bảo tiêu chuẩn của chức danh kiêm nhiệm về học vấn, lý luận chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ; riêng kiến thức bồi dưỡng thì khuyến khích đạt tiêu chuẩn chức danh để góp phần hoàn thành nhiệm vụ kiêm nhiệm.

2. Tiêu chuẩn cụ thể đối với công chức cấp xã (gồm các chức danh: Văn phòng-Thống kê, Tư pháp-Hộ tịch, Văn hóa-Xã hội, Tài chính-Kế toán, Địa chính-Nông nghiệp-Xây dựng và Môi trường, Chỉ huy trưởng Quân sự cấp xã):

2.1. Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ *hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố*; Thông tư liên tịch 01/2013/TTLT-BNV-BQP ngày 10/4/2013 của Bộ Nội vụ và Bộ Quốc phòng *hướng dẫn việc quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng Chỉ huy trưởng, Chỉ huy phó Ban Chỉ huy Quân sự xã, phường, thị trấn*; cụ thể như sau:

- Học vấn: Tốt nghiệp THPT. Đối với công chức là người DTTS (Jrai, Bahnar) được tuyển dụng trước ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 13/2019/TT-BNV tốt nghiệp THCS thì yêu cầu sau 05 năm (kể từ ngày Thông tư số 13/2019/TT-BNV của Bộ trưởng Bộ Nội vụ có hiệu lực thi hành) phải tốt nghiệp THPT.

- Lý luận chính trị: Trình độ sơ cấp trở lên.

- Chuyên môn, nghiệp vụ: Trình độ trung cấp trở lên, có chuyên ngành phù hợp với lĩnh vực công tác đảm nhiệm (Lưu ý: Khi tỉnh có quy định mới thì áp dụng kể từ khi có hiệu lực thi hành).

- Trình độ tin học: Có chứng chỉ tin học văn phòng trình độ A trở lên đối với công chức tuyển dụng trước ngày có hiệu lực thi hành của Thông tư số 13/2019/TT-BNV. Trường hợp công chức tuyển dụng sau khi Thông tư số 13/2019/TT-BNV có hiệu lực thi hành thì phải có chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Lưu ý: Công chức tuyển dụng trước khi Thông tư số 13/2019/TT-BNV có hiệu lực thi hành thì sau 05 năm (kể từ ngày Thông tư số 13/2019/TT-BNV có hiệu lực thi hành) phải có chứng chỉ sử dụng công nghệ thông tin theo chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản quy định tại Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

2.2. Sau khi được tuyển dụng, trong vòng 03 năm (36 tháng) phải hoàn thành bồi dưỡng kiến thức Quản lý nhà nước; bồi dưỡng sơ cấp lý luận chính trị trở lên; bồi dưỡng chức danh theo quy định.

2.3. Ngoài ra, các chức danh nêu trên công tác ở vùng đồng bào DTTS (chiếm từ 50% dân số trở lên) phải biết sử dụng tiếng dân tộc thiểu số phù hợp với địa bàn công tác.

II. Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định (chỉ tiêu 18.2), bao gồm:

1. Đảng bộ xã.

2. Chính quyền xã, gồm: Hội đồng nhân dân; Ủy ban nhân dân; các Ban giúp việc cho Hội đồng nhân dân theo quy định.

3. Đoàn thể chính trị-xã hội, gồm: Mặt trận tổ quốc; Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; Hội LHPN; Hội Nông dân và Hội Cựu chiến binh xã được thành lập theo quy định của cấp có thẩm quyền.

III. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” (chỉ tiêu 18.3). Căn cứ hướng dẫn hiện hành của Trung ương, của tỉnh; theo đó, Đảng bộ, chính quyền xã đạt chuẩn nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền cấp huyện đánh giá, xếp loại vào cuối năm đạt như sau:

1. **Đối với Đảng bộ xã:** Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức “*hoàn thành tốt nhiệm vụ*” trở lên theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đối với năm xét công nhận xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

2. **Đối với Chính quyền xã:** Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức “*hoàn thành tốt nhiệm vụ*” trở lên theo hướng dẫn đánh giá, xếp loại của cơ quan có thẩm quyền đối với năm xét công nhận xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới.

IV. Các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội của xã được đánh giá hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên (chỉ tiêu 18.4). Căn cứ hướng dẫn hiện hành của các tổ chức ngành dọc Trung ương, của tỉnh; theo đó, các tổ chức đoàn thể chính trị-xã

hội xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện đánh giá, xếp loại vào cuối năm đạt như sau:

1. Đối với Mặt trận tổ quốc Việt Nam xã: Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức **“tốt”** trở lên theo Hướng dẫn số 52/HD-MTTW-BTT ngày 07/9/2016 của Ban Thường trực Ủy ban Trung ương Mặt trận tổ quốc Việt Nam về xây dựng **“quy chế tổ chức và hoạt động”** và đánh giá Ban công tác Mặt trận ở khu dân cư.

2. Đối với Hội Cựu Chiến binh xã: Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức **“hoàn thành tốt nhiệm vụ”** trở lên theo Hướng dẫn số 35/HD-CCB ngày 19/11/2018 của Ban Chấp hành Hội Cựu chiến binh Việt Nam về kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tập thể, cá nhân trong Hội Cựu chiến binh Việt Nam.

3. Đối với Hội Nông dân xã: Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức **“hoàn thành tốt nhiệm vụ”** trở lên theo Hướng dẫn số 204-HD/HNDTW ngày 10/7/2020 của Ban Thường vụ Hội Nông dân Việt Nam về đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức Hội Nông dân Việt Nam.

4. Đối với Hội LHPN xã: Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức **“hoàn thành tốt nhiệm vụ”** trở lên theo Hướng dẫn số 355/HD-BCH ngày 27/8/2019 của Ban Chấp hành Hội LHPN tỉnh về đánh giá, xếp loại đối với tổ chức Hội LHPN cấp huyện, cấp cơ sở tỉnh Gia Lai, giai đoạn 2019-2021.

5. Đối với Đoàn TNCS Hồ Chí Minh xã: Được đánh giá, xếp loại đạt từ mức **“hoàn thành tốt nhiệm vụ”** trở lên theo Hướng dẫn số 33-HD/TUĐTN-BTC ngày 07/10/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về kiểm điểm và đánh giá, xếp loại chất lượng hằng năm đối với tổ chức Đoàn, tập thể lãnh đạo và cá nhân giai đoạn 2019-2022.

B. ĐỐI VỚI XÃ ĐẠT CHUẨN XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO

I. Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn “trong sạch, vững mạnh” (chỉ tiêu 18.1). Căn cứ hướng dẫn hiện hành của Trung ương, của tỉnh; theo đó, Đảng bộ, chính quyền xã đã đạt chuẩn nông thôn mới được cấp ủy, chính quyền cấp huyện đánh giá, xếp loại vào cuối năm đạt như sau:

1. Đối với Đảng bộ xã: Được đánh giá, xếp loại đạt mức **“hoàn thành xuất sắc”** theo hướng dẫn của cấp có thẩm quyền đối với năm xét công nhận xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao.

2. Đối với Chính quyền xã: Được đánh giá, xếp loại đạt mức **“hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”** theo hướng dẫn đánh giá, xếp loại của cơ quan có thẩm quyền đối với năm xét công nhận xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao.

II. Các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội của xã (chỉ tiêu 18.2): Căn cứ hướng dẫn hiện hành của các tổ chức ngành dọc Trung ương, của tỉnh; theo đó, các tổ chức đoàn thể chính trị-xã hội xã đạt chuẩn nông thôn mới được tổ chức chính trị-xã hội cấp huyện đánh giá, xếp loại vào cuối năm đạt mức **“hoàn thành tốt nhiệm vụ”** trở lên hoặc mức **“tốt”** trở lên.

III. 100% cán bộ, công chức xã chấp hành nghiêm các quy định của pháp luật và nâng cao đạo đức công vụ (chỉ tiêu 18.5); khi đảm bảo các tiêu chuẩn sau đây:

1. 100% cán bộ, công chức xã được cấp có thẩm quyền đánh giá, phân loại từ mức hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.

2. Trong năm xét công nhận xã đạt chuẩn xây dựng nông thôn mới nâng cao không có cán bộ, công chức xã bị đơn thư, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong thực thi công vụ (bị cấp có thẩm quyền có văn bản nhắc nhở hoặc xử lý).

IV. Thực hiện hiệu quả Quy chế dân chủ ở cơ sở (chỉ tiêu 18.7): Được Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ ở cơ sở cấp huyện đánh giá, xếp loại **“khá trở lên, từ 75 đến dưới 90 điểm”** trong năm xét công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao (theo hướng dẫn tại văn bản số 60-CV/BCĐ ngày 27/4/2009 của Ban Chỉ đạo thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở tỉnh về thang điểm đánh giá, xếp loại việc thực hiện Quy chế dân chủ ở xã, phường, thị trấn).

Trên đây là hướng dẫn thực hiện chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3, 18.4 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới) và chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.5, 18.7 (trong tiêu chí số 18 về xã nông thôn mới nâng cao) trên địa bàn tỉnh (thay thế văn bản số 1092/SNV-XDCQ ngày 03/8/2017 của Sở Nội vụ về hướng dẫn thực hiện tiêu chí số 18 “gồm: chỉ tiêu 18.1, 18.2, 18.3 và 18.4” và văn bản số 959/SNV-XDCQ ngày 20/7/2018 về hướng dẫn bổ sung thực hiện chỉ tiêu 18.1 “cán bộ, công chức xã đạt chuẩn”). Đề nghị Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố căn cứ triển khai thực hiện; khi có văn bản của cấp có thẩm quyền quy định điều chỉnh, bổ sung mới, Sở Nội vụ sẽ hướng dẫn thực hiện kịp thời theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- TTBCĐ XDNTM tỉnh;
- BTC Tỉnh ủy, BDV Tỉnh ủy;
- Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;
- Thường trực Huyện, Thị, Thành ủy;
- Lưu: VT, XDCQ.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Tâm

Số: 1587 /HD-SNV

Gia Lai, ngày 02 tháng 10 năm 2020

HƯỚNG DẪN

Triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW

Căn cứ Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ Quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội;

Căn cứ Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Bộ Chính trị về Đại hội Đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng;

Căn cứ Hướng dẫn số 26-HD/BTCTW ngày 18/10/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về một số nội dung Chỉ thị số 35-CT/TW của Bộ Chính trị về Đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp.

Sau khi trao đổi thống nhất với Ban Tổ chức Tỉnh ủy, Sở Tài chính, Bảo hiểm xã hội tỉnh; Sở Nội vụ hướng dẫn triển khai thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP và Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW, cụ thể như sau:

I. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG:

1. Đối tượng hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ bao gồm:

a) Cán bộ giữ chức vụ, chức danh chuyên trách do bầu cử trong hệ thống chính trị (cơ quan lãnh đạo các cấp của Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội) không đủ điều kiện tái cử vì tuổi theo quy định tại Chỉ thị số 35-CT/TW ngày 30/5/2019 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (sau đây viết tắt là Chỉ thị 35); Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương (sau đây viết tắt là Hướng dẫn 27); Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định 26) và các quy định khác của các cấp có thẩm quyền.

b) Cán bộ giữ chức vụ bổ nhiệm có thời hạn (không phải chức vụ bầu cử) nhưng được cơ cấu cấp ủy các cấp hoặc đồng thời giữ chức vụ chuyên trách (do bầu cử) của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội, nay thôi tái cử vì tuổi và có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26.

c) Cán bộ được bầu giữ chức danh Ủy viên chuyên trách Ủy ban Kiểm tra Đảng các cấp (từ tỉnh đến cấp huyện và tương đương).

d) Cán bộ đủ điều kiện tái cử ở Đại hội Đảng bộ các cấp nhưng không đủ tuổi tái cử HĐND, UBND cùng cấp; hoặc cán bộ đủ điều kiện tái cử ở Đại hội Đảng bộ các cấp còn thời gian công tác từ dưới 36 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

2. Không áp dụng chế độ, chính sách theo Nghị định 26 đối với các trường hợp sau:

a) Cán bộ đã có thông báo nghỉ hưu, quyết định nghỉ hưu của cấp có thẩm quyền hoặc còn từ đủ 06 tháng công tác trở lại, tính từ ngày tổ chức Đại hội các cấp đến ngày nghỉ hưu theo quy định.

b) Cán bộ không đủ tuổi tái cử cấp ủy theo Chỉ thị 35, Hướng dẫn 27 nhưng không có nguyện vọng thực hiện theo Nghị định 26 hoặc đang tiếp tục làm việc trong cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội tại vị trí cũ theo quy định (không phải cơ cấu cấp ủy trong nhiệm kỳ mới).

c) Cán bộ được áp dụng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 và Nghị định số 113/2018/NĐ-CP ngày 31/8/2018 của Chính phủ.

II. ĐIỀU KIỆN HƯỞNG CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH:

Cán bộ hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định 26 là những người thuộc đối tượng quy định tại khoản 1, mục I văn bản này có đủ các điều kiện:

1. Thời gian đóng bảo hiểm xã hội:

a) Có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 20 năm trở lên theo quy định của Luật bảo hiểm xã hội (trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này). Đối với cán bộ cấp xã công tác tại nơi có hệ số phụ cấp khu vực từ 0,7 trở lên; cán bộ cấp xã có thời gian tham gia quân đội, công an và được Nhà nước tặng thưởng huân chương, huy chương các loại nếu còn thiếu thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ 2,5 năm (30 tháng) trở xuống mới đủ thời gian đóng bảo hiểm xã hội 20 năm thì được Nhà nước hỗ trợ tiền đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để thực hiện chế độ hưu trí.

b) Cán bộ nữ cấp xã có thời gian đóng bảo hiểm xã hội từ đủ 15 năm trở lên.

2. Thời gian công tác: Tính từ ngày Đại hội Đảng bộ các cấp; bầu cử Quốc hội, HĐND, UBND các cấp; hoặc Đại hội của Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội mà còn dưới 30 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu theo quy định; hoặc còn thời gian công tác từ dưới 36 tháng thì đủ tuổi nghỉ hưu nhưng vì sắp xếp nhân sự cấp ủy, bản thân có nguyện vọng và được cấp có thẩm quyền đồng ý.

III. HỒ SƠ GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH:

1. Thành phần hồ sơ:

a) Hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi (02 bộ bản chính):

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ theo phân cấp (kèm danh sách cán bộ và dự toán kinh phí thực hiện theo biểu mẫu số 01 đính kèm).

- Đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi của cán bộ (theo mẫu đơn số 01 đính kèm).

- Bản sao giấy khai sinh của cán bộ (trường hợp không có giấy khai sinh thì phô tô sổ Lý lịch Đảng viên có xác nhận của cấp có thẩm quyền).

- Một trong các loại văn bản: Kế hoạch, Thông báo, Kết luận,... quy định về thời gian tổ chức Đại hội cấp ủy, bầu cử chính quyền, hoặc Đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Quyết định cho cán bộ nghỉ hưu trước tuổi của cơ quan có thẩm quyền theo phân cấp (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy); bản phô tô có chứng thực các Quyết định lương; Quyết định phê chuẩn, bổ nhiệm, xếp lương các chức vụ đã đảm nhiệm của 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu.

Chú ý: Trường hợp cán bộ đủ điều kiện quy định để được xếp lương lên bậc 2 của chức danh cán bộ đang đảm nhiệm (đối với cán bộ xếp lương chức vụ) hoặc được nâng lương trước thời hạn hay được nâng ngạch không qua thi nâng ngạch để nghỉ hưu (đối với cán bộ xếp lương chuyên môn, nghiệp vụ và hưởng phụ cấp chức vụ lãnh đạo) thì nêu rõ, giải trình tại văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương; kèm phiếu đánh giá, phân loại cán bộ của cơ quan có thẩm quyền trong thời gian 05 năm cuối trước khi nghỉ hưu và các văn bản, tài liệu chứng minh có liên quan.

- Bản kê quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ hưu trước tuổi, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định.

Chú ý: Đối với trường hợp cán bộ được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đóng bảo hiểm xã hội một lần cho thời gian còn thiếu để đủ 20 năm thì phải kèm theo hồ sơ: Bản sao chứng thực của cơ quan có thẩm quyền quy định phụ cấp khu vực 0,7 trở lên hoặc bản sao chứng thực bằng huân chương, huy chương trong thời gian tham gia quân đội, công an.

b) Hồ sơ giải quyết chế độ, chính sách tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (02 bộ bản chính):

- Văn bản của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ theo phân cấp (kèm danh sách cán bộ theo biểu mẫu số 02 đính kèm).

- Một trong các loại văn bản: Kế hoạch, Thông báo, Kết luận,... quy định về thời gian tổ chức Đại hội cấp ủy, bầu cử chính quyền, hoặc Đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Quyết định bố trí tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy).

- Bản phô tô chứng thực Quyết định về mức lương chức vụ gần nhất (hoặc mức lương theo ngạch, bậc gần nhất) trước khi chuyển công tác; phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng, ... (nếu có).

c) Hồ sơ giải quyết nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu (02 bộ bản chính):

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, địa phương quản lý cán bộ theo phân cấp (kèm danh sách cán bộ và dự toán kinh phí thực hiện theo biểu mẫu số 03 đính kèm).

- Đơn tự nguyện nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu của cán bộ (theo mẫu đơn số 02 đính kèm).

- Bản sao giấy khai sinh của cán bộ (trường hợp không có giấy khai sinh thì phô tô sổ Lý lịch Đảng viên có xác nhận của cấp có thẩm quyền).

- Một trong các loại văn bản: Kế hoạch, Thông báo, Kết luận,... quy định về thời gian tổ chức Đại hội cấp ủy, bầu cử chính quyền hoặc Đại hội Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể chính trị - xã hội.

- Quyết định cho cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu của cơ quan có thẩm quyền (trừ trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy).

- Bản phô tô chứng thực Quyết định về mức lương chức vụ gần nhất (hoặc mức lương theo ngạch, bậc gần nhất) trước khi nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu; phụ cấp chức vụ, phụ cấp thâm niên vượt khung, phụ cấp thâm niên nghề, mức chênh lệch bảo lưu lương, phụ cấp công tác đảng, ... (nếu có).

- Bản kê quá trình tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc tính đến thời điểm nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu, có xác nhận của cơ quan Bảo hiểm xã hội theo quy định.

Lưu ý:

- Cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm còn dưới 2 năm (24 tháng) công tác sẽ đến tuổi nghỉ hưu theo quy định, nếu không bố trí được vị trí công tác phù hợp và không có nguyện vọng nghỉ hưu trước tuổi thì mới được nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu.

- Không thực hiện việc nâng bậc, nâng ngạch lương trong thời gian nghỉ công tác chờ đủ tuổi sẽ nghỉ hưu và tiếp tục thực hiện việc đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế theo quy định.

2. Nộp hồ sơ:

a) Cán bộ thuộc khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội từ cấp huyện trở lên nộp về Ban Tổ chức Tỉnh ủy.

b) Cán bộ thuộc khối Nhà nước từ cấp huyện trở lên và cán bộ cấp xã nộp về Sở Nội vụ.

IV. THỜI GIAN GIẢI QUYẾT CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH:

Thực hiện từ trước ngày Đại hội Đảng bộ, bầu cử chính quyền, Đại hội Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể chính trị - xã hội của cấp mình là 03 tháng (90 ngày) và chậm nhất không quá 01 tháng (30 ngày) kể từ ngày kết thúc nhiệm kỳ Đại hội (bầu cử) của cấp cán bộ thôi tái cử.

V. NGUỒN KINH PHÍ:

Kinh phí giải quyết chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định 26; do ngân sách Nhà nước cấp theo phân cấp ngân sách hiện hành.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Sở Nội vụ:

a) Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định 26 đối với cán bộ thuộc khối Nhà nước từ cấp huyện trở lên và cán bộ cấp xã. Trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cho cán bộ được hưởng chế độ, chính sách theo quy định của Nghị định 26 đối với các trường hợp thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh theo quy định.

b) Chuyển Sở Tài chính thẩm định về kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 26 để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh theo quy định.

c) Tổng hợp báo cáo UBND tỉnh, Trung ương về kết quả thực hiện Nghị định 26 tại địa phương.

d) Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, hướng dẫn, kiểm tra các cơ quan, đơn vị, địa phương trong việc thực hiện chế độ, chính sách theo quy định.

2. Sở Tài chính:

a) Tiếp nhận hồ sơ từ Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy và chịu trách nhiệm thẩm định về kinh phí thực hiện; tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh để xem xét, báo Bộ Tài chính cấp kinh phí, đồng gửi Bộ Nội vụ để theo dõi theo quy định.

b) Thực hiện theo thẩm quyền hoặc tham mưu đề xuất UBND tỉnh cấp kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định 26.

3. Cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh: Có trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ và chỉ đạo thực hiện việc thu bảo hiểm xã hội, giải quyết chế độ bảo hiểm xã hội đối với các trường hợp được hưởng chế độ, chính sách theo Nghị định 26.

4. Đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy:

a) Hướng dẫn giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ khối Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các đoàn thể chính trị - xã hội thuộc tỉnh theo quy định.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị giải quyết chế độ, chính sách theo Nghị định 26 thuộc thẩm quyền. Trên cơ sở đó tham mưu, đề xuất giải quyết chế độ, chính sách; lập danh sách, chuyển hồ sơ giải quyết qua Sở Tài chính để đề xuất UBND tỉnh báo cáo Bộ Tài chính cấp kinh phí thực hiện theo quy định; đồng gửi danh sách về Sở Nội vụ để tổng hợp kết quả thực hiện báo cáo cấp có thẩm quyền.

5. Các cơ quan, đơn vị, địa phương có cán bộ thuộc đối tượng được thực hiện chế độ, chính sách theo Nghị định 26:

a) Căn cứ thẩm quyền theo quy định, tiến hành rà soát, xác định đúng đối tượng được hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại Nghị định 26; giải quyết hoặc trình cấp có thẩm quyền xem xét, giải quyết như sau:

- Đối với cán bộ thuộc thẩm quyền quyết định: Cơ quan, đơn vị, địa phương hướng dẫn các trường hợp đủ điều kiện hưởng chế độ, chính sách lập hồ sơ cá nhân (thành phần hồ sơ thực hiện theo mục III văn bản này) và ban hành Quyết định theo thẩm quyền quy định (đảm bảo theo mục IV văn bản này). Sau đó gửi Quyết định giải quyết kèm hồ sơ (02 bộ bản chính) về Sở Nội vụ để thẩm định lại đối tượng, trên cơ sở đó chuyển Sở Tài chính thẩm định về kinh phí thực hiện theo quy định.

- Đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh, Tỉnh ủy: Cơ quan, đơn vị, địa phương gửi hồ sơ theo hướng dẫn tại văn bản này về Sở Nội vụ (đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của UBND tỉnh), Ban Tổ chức Tỉnh ủy (đối với các đối tượng thuộc thẩm quyền quyết định của Tỉnh ủy) để trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định theo quy định.

b) Triển khai các Quyết định của cấp có thẩm quyền về thực hiện chi trả chế độ, chính sách đối với cán bộ thuộc thẩm quyền; thanh quyết toán kinh phí thực hiện theo phân cấp quản lý ngân sách.

c) Tổng hợp, báo cáo kết quả thực hiện Nghị định 26, Hướng dẫn 27 định kỳ, đột xuất theo quy định.

Trên đây là hướng dẫn của Sở Nội vụ về giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp thuộc tỉnh; Hướng dẫn này thay thế Hướng dẫn số 879/HD-SNV ngày 09/7/2015 của Sở Nội vụ về triển khai thực hiện Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, nghiên cứu giải quyết vướng mắc./.

Nơi nhận:

- TT Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT HĐND tỉnh (báo cáo);
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Văn phòng TU và các Ban Đảng tỉnh;
- UBMTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Các Sở ban ngành tỉnh;
- BHXH tỉnh;
- Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- UBND cấp xã (cấp huyện sao gửi);
- Lưu: VT, XDCQ.

GIÁM ĐỐC



Huỳnh Văn Tâm

(Kèm theo văn bản số:)

Diễn biến trong 5 năm trước khi nghỉ hưu trước tuổi																											
STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức vụ, đơn vị công tác	Diễn biến lương														Thời gian nghỉ hưu trước tuổi	Số năm đóng BHXH theo quy định tại Điều 3, ND26/2015/NĐ-CP	Dự toán kinh phí thực hiện							
				Phụ cấp chức vụ (nếu có)				Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)				Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)				Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)				Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)		Tiền lương tháng trả trợ cấp	Kinh phí thực hiện chế độ nghỉ hưu trước tuổi (đồng)				
				Chức vụ hoặc ngạch lương	Bậc lương	Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng	Hệ số lương	Thời điểm hưởng	Mức phụ cấp	Thời điểm hưởng			Trợ cấp do đủ 20 năm đóng BHXH (đồng)	Trợ cấp do trên 20 năm đóng BHXH (đồng)		Tiền đóng BHXH 1 lần cho cơ quan BHXH để thực hiện chế độ hưu trí (đồng)	Tổng cộng (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26		

DANH SÁCH CÁN BỘ TIẾP TỤC CÔNG TÁC CHO ĐẾN KHI ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU
THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP
(Kèm theo văn bản số:)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh cũ										Chức danh mới										Thời gian tiếp tục công tác đến khi đủ tuổi nghỉ hưu (tháng)
			Lương tháng cuối trước khi chuyển công tác		Phụ cấp tháng cuối trước khi chuyển công tác					Tổng tiền lương, phụ cấp (đồng)	Lương			Phụ cấp					Tổng tiền lương, phụ cấp (đồng)				
			Chức vụ hoặc ngạch lương	Bậc lương	Hệ số chức vụ (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề nghiệp (nếu có)	Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)	...		Chức vụ hoặc ngạch lương	Bậc lương	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề nghiệp (nếu có)	Hệ số chênh lệch bảo lưu (nếu có)	Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)		...			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	

Lưu ý: Cơ quan, đơn vị, địa phương dùng mẫu để tổng hợp danh sách cán bộ tiếp tục công tác cho đến khi đủ tuổi nghỉ hưu báo cáo về Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy để theo dõi việc thực hiện chế độ, chính sách và tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền theo quy định.

DANH SÁCH VÀ DỰ TOÁN KINH PHÍ THỰC HIỆN CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI CÁN BỘ NGHĨ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU THEO NGHỊ ĐỊNH SỐ 26/2015/NĐ-CP (Kèm theo văn bản số:)

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Chức danh, đơn vị công tác	Lương tháng cuối trước khi nghỉ chờ			Phụ cấp tháng cuối trước khi nghỉ chờ				Thời gian nghỉ chờ (tháng)	Dự toán kinh phí thực hiện (đồng)
				Chức vụ hoặc ngạch lương	Bậc	Hệ số lương	Phụ cấp chức vụ (nếu có)	Phụ cấp thâm niên vượt khung (nếu có)	Phụ cấp thâm niên nghề (nếu có)	Phụ cấp công tác Đảng (nếu có)		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13

Lưu ý: Cơ quan, đơn vị, địa phương tổng hợp danh sách cán bộ nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu và dự toán kinh phí thực hiện chế độ, chính sách theo mẫu này báo cáo về Sở Nội vụ, Ban Tổ chức Tỉnh ủy để thẩm định lại đối tượng và chuyên Sở Tài chính để thẩm định, báo cáo Bộ Tài chính bổ sung kinh phí cho các cơ quan, đơn vị, địa phương thực hiện chế độ, chính sách đối với cán bộ theo quy định.

Mẫu đơn số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ HƯU TRƯỚC TUỔI

Kính gửi:

Tôi tên:....., sinh ngày.../.../...

Quê quán:.....

Hiện đang cư trú tại:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Số sổ Bảo hiểm xã hội:.....

Tổng số thời gian đóng Bảo hiểm xã hội: ... năm ... tháng.

Vì lý do Sau khi nghiên cứu Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính Phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của đảng cộng sản Việt Nam, nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Tôi xét thấy đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi nên tôi viết đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết cho tôi được nghỉ hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại điều 3 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Kính mong quý cơ quan xem xét./.

...ngày...tháng... năm...

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)

Mẫu đơn số 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐƠN XIN NGHỈ CÔNG TÁC CHỜ ĐỦ TUỔI NGHỈ HƯU

Kính gửi:

Tôi tên:....., sinh ngày.../.../...

Quê quán:.....

Hiện đang cư trú tại:.....

Chức vụ:.....

Đơn vị công tác:.....

Số sổ Bảo hiểm xã hội:.....

Tổng số thời gian đóng Bảo hiểm xã hội: ... năm ... tháng.

Vì lý do Sau khi nghiên cứu Nghị định số 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính Phủ quy định chế độ, chính sách đối với cán bộ không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ trong cơ quan của Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội; Hướng dẫn số 27-HD/BTCTW ngày 20/12/2019 của Ban Tổ chức Trung ương về thực hiện chính sách, chế độ đối với cán bộ thôi tái cử cấp ủy, chính quyền, mặt trận tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội các cấp. Tôi xét thấy đủ điều kiện nghỉ công tác chờ đủ tuổi nghỉ hưu nên tôi viết đơn này kính đề nghị các cấp có thẩm quyền xem xét giải quyết cho tôi được nghỉ hưởng chế độ, chính sách theo quy định tại điều 5 Nghị định số 26/2015/NĐ-CP.

Kính mong quý cơ quan xem xét./.

...ngày...tháng... năm...

Người viết đơn

(Ký, ghi rõ họ tên)